TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày 27/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.

2. Bà Phạm Kim Tuyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXX-ST ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 417/2023/QĐST-DS ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Q; Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S – 111 P, phường B, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Giang T - sinh năm 1985. Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà S, số 26 U, Phường A, Quận T, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/1/2021 và Giấy ủy quyền số 134131 ký ngày 25/11/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Xuân K, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Bà Đỗ Ngọc Đài T, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 004 Lô B3, Chung cư, phường L, quận A, Thành phố H.

Tạm trú: 96/29/12 Đào N, tổ 10, ấp 4, xã P, huyện N, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 và các biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng Q (vắn tắt Ngân hàng) ủy quyền cho ông Giang T trình bày:

Ngân hàng Q - chi nhánh Gò Vấp – Phòng giao dịch Q có ký Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017 với ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T vay số tiền 760.000.000 đồng, mục đích mua ô tô tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 28/03/2017 đến ngày 28/03/2024), lãi trong hạn bằng 7.6%/năm trong 06 tháng đầu tiên, sau 06 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.99%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, số tiền gốc phải trả hàng tháng vào ngày 05, mỗi tháng trả 9,048,000 đồng, tháng cuối trả 9,016,000 đồng. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 05, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/05/2017. Khoản vay có tài sản bảo đảm xe ô tô con hiệu Chevrolet Captiva, biển số 51G-336.16 số máy LE9170230209, số khung RLLCA264EHH943683, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0111/HĐTC-VIB619/17 ngày 28/03/2017 và tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính dụng ông K bà T đã thanh toán 349.389.927 đồng trong đó gốc 208.104.000 đồng lãi 141.285.927 đồng. Phía Ngân Hàng nhiều lần yêu cầu ông K bà T trả nhưng ông K bà T không thực hiện trả tiền.

Tính đến ngày 27/4/2023, ông K bà T còn nợ 984.696.398 đồng trong đó số tiền gốc 551.896.000 đồng, lãi trong hạn 21.757.226 đồng và lãi quá hạn 411.043.172 đồng theo bảng tính lãi.

Tại tòa đại diện cho Ngân hàng Q yêu cầu ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/4/2023 là 984.696.398 đồng lãi tiếp tục tính ngày 28/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017. Đồng thời lãi tiếp tục tính ngày 28/4/2023 cho đến khi trả hết nợ và ông K bà T chịu chi phí tố tụng theo quy định. Ngoài ra Ngân hàng Q không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm xe ô tô con hiệu Chevrolet Captiva, biển số 51G-336.16 số máy LE9170230209, số khung RLLCA264EHH943683.

- Bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T thanh toán khoản tiền còn nợ 984.696.398 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, đồng thời tiếp tục tính lãi từ ngày 28/4/2023 trên số dự nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T thanh toán khoản tiền còn nợ 984.696.398 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng, ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Q yêu cầu ông K bà T phải trả số tiền là 984.696.398 đồng trong đó tiền gốc là 551.896.000 đồng, lãi trong hạn 21.757.226 đồng và lãi quá hạn 411.043.172 đồng (lãi tạm tính đến ngày 27/4/2023), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời lãi tiếp tục tính ngày 28/4/2023 cho đến khi trả hết nợ và ông K bà T chịu chi phí tố tụng theo quy định.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017 hạn mức vay 760.000.000 đồng có đủ cơ sở kết luận ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T có vay của Ngân hàng Q và ông K bà T đã trả nhiều lần tiền 349.389.927 đồng trong đó gốc 208.104.000 đồng lãi 141.285.927 đồng cho Ngân hàng. Lãi suất cho

vay trong hạn bằng 7.6%/năm trong 06 tháng đầu tiên, sau 06 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước đối với khách hàng.

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017 là vi phạm nghĩa vụ bên vay của hợp đồng tín dụng được quy định Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng". Ngân hàng đã thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn theo Bảng tính lãi khách hàng ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T tính đến ngày 27/4/2023 số tiền là 984.696.398 đồng trong đó tiền gốc là 551.896.000 đồng, lãi trong hạn 21.757.226 đồng và lãi quá hạn 411.043.172 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu Ngân hàng Q buộc ông K bà T phải trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, tổng cộng số tiền là 984.696.398 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục tính lãi từ ngày 28/4/2023 trên số dự nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn là phù hợp pháp luật, nên yêu cầu này được chấp nhận.

[2.3] Hội đồng xét xử ghi nhận Ngân hàng Q không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm xe ô tô con hiệu Chevrolet Captiva, biển số 51G-336.16 số máy LE9170230209, số khung RLLCA264EHH943683 phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí dân sự sơ thẩm bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T có giá ngạch 41.540.892 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn mà buộc bị đơn phải trả lại cho Ngân hàng Q số tiền 984.696.398 đồng.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T phải chịu 10.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chi phí thẩm định tại chỗ Ngân hàng Q tạm đóng là 10.000.000 đồng, nên bà ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 184; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 31/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Q, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 984.696.398 đồng (Chín trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi tám đồng) trong đó tiền gốc là 551.896.000 đồng, lãi trong hạn 21.757.226 đồng và lãi quá hạn 411.043.172 đồng tạm tính đến ngày 27/04/2023 theo Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017 và phụ lục 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2017.

Lãi sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 28/4/2023 trên số dự nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận.

Ghi nhận Ngân hàng Q không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm xe ô tô con hiệu Chevrolet Captiva, biển số 51G-336.16 số máy LE9170230209, số khung RLLCA264EHH943683 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0111/HĐTC-VIB619/17 ngày 28/03/2017 và tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng: 0111/HĐTD-VIB619/17 ngày 27/03/2017.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.540.892 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ngàn tám trăm chín mươi hai đồng) nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.209.756 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0025779 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: ông Huỳnh Xuân K và Bà Đỗ Ngọc Đài T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để hoàn trả cho Ngân hàng Q.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng